

## **ĐỀ CƯƠNG**

**Đề án Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**  
*(kèm theo Quyết định số: 1604/QĐ-UBND ngày 01 / 7/2021 của UBND tỉnh)*

### **Phần I**

## **SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của vùng dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS, MN) và vùng kinh tế - xã hội (KT-XH) đặc biệt khó khăn (ĐBKK), là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, KTXH, an ninh quốc phòng; đối ngoại và bảo vệ môi trường sinh thái**

**2. Xuất phát từ thực trạng KT-XH vùng DTTS, MN và vùng KT-XH ĐBKK là vùng có điều kiện khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, KT-XH phát triển chậm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất.**

### **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Căn cứ pháp lý:**

- Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội Khoá XIV về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Nghị quyết 120/2020/QH14 của Quốc hội Khoá XIV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;

- Kế hoạch 07-KH/TU ngày 18/02/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 18/02/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị “tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025.

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội khóa XIV; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị quyết số 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nhiệm vụ phát triển kinh- xã hội năm 2021.

- Chương trình số 03-CTr/TU ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế làm việc năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI).

- Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

## **2. Căn cứ thực tiễn**

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **1. Phạm vi**

#### **2. Đối tượng**

#### **3. Thời gian thực hiện Đề án**

### **Phần II**

## **THỰC TRẠNG KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

### **I. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SỐ, DÂN TỘC VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ**

#### **1. Về điều kiện tự nhiên**

#### **2. Về dân số**

#### **3. Về dân tộc**

#### **4. Về phân bố dân cư**

### **II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **1. Kinh tế**

#### **2. Văn hóa- xã hội**

#### **3. Quốc phòng – An ninh**

### **III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Những tồn tại, hạn chế**

#### **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

a) Nguyên nhân khách quan

b) Nguyên nhân chủ quan

### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **Phần III**

## **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030**

## **I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH**

- 1. Bối cảnh Quốc tế và Khu vực**
- 2. Bối cảnh trong nước**
- 3. Bối cảnh của tỉnh Thừa Thiên Huế**

## **II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG**

- 1. Mục tiêu chung**
- 2. Mục tiêu cụ thể đến 2025**
- 3. Định hướng đến 2030**

## **III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030.**

- 1. Về phát triển kinh tế**
- 2. Về lĩnh vực văn hóa- xã hội**
- 3. Quốc phòng – An ninh**

### **III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1.** Xây dựng những chủ trương, quyết sách chú trọng phát huy các lợi thế so sánh của vùng đồng bào DTTS, miền núi như về đất đai, tài nguyên, về tiềm năng phát triển cây công nghiệp, kinh tế rừng, công nghiệp chế biến gỗ...

**2.** Có chính sách thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nhà đầu tư trực tiếp hoặc liên kết sản xuất kinh doanh; khuyến khích đầu tư vốn theo hình thức liên kết sản xuất với đồng bào ở địa bàn miền núi trong phát triển kinh tế rừng, trồng cây công nghiệp.

**3.** Phát huy mọi tiềm lực và lợi thế của miền núi để tiếp tục xây dựng phát triển công nghiệp chế biến gắn với phát triển dịch vụ và du lịch theo hướng bền vững, đảm bảo ngày càng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế ở vùng DTTS, miền núi.

**4.** Có sự phân định rạch ròi và gắn kết hữu cơ giữa vùng kinh tế có tiềm năng và vùng kinh tế khó khăn ở khu vực đồng bào DTTS. Trên cơ sở này để có định hướng hoàn thiện cơ chế chính sách, giải pháp phát huy lợi thế của từng vùng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, đa dạng về ngành nghề và trình độ phát triển.

**5.** Tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa các địa phương vùng đồng bào DTTS, xây dựng cơ chế điều phối liên kết vùng để phát huy lợi thế ở mỗi địa phương và tạo chuỗi liên kết giá trị, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trong thời kỳ hội nhập.

**6.** Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, nhất là phát huy vai trò giám sát, phản biện trong thực hiện chính sách dân tộc, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vùng đồng bào DTTS và miền núi. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy nội lực, giá trị văn hóa truyền thống, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu trong hội viên, đoàn viên và đồng bào DTTS để phấn đấu cùng nhân dân toàn tỉnh xây dựng quê hương Thừa Thiên Huế ngày càng phát triển.

**7.** Tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với học sinh DTTS; nâng cao tỷ lệ huy động học sinh đến trường, hạn chế thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng; củng cố chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và trường đạt chuẩn quốc gia đối với các xã định canh, định cư; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách hỗ trợ cho giáo dục đối với đồng bào DTTS.

**8.** Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân; vận động đồng bào thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình nhằm góp phần hạ thấp tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, xây dựng mô hình thôn, xã không sinh con thứ 3; tăng cường cơ sở, vật chất, thiết bị y tế nhất là ở các trạm y tế xã; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xoá nhà tạm cho nhân dân, kế hoạch giúp đỡ hộ nghèo; thực hiện tốt chế độ BHYT đối với đồng bào DTTS, hộ nghèo.

**9.** Tiếp tục giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá bản sắc dân tộc bao gồm tiếng nói, dân ca, dân vũ, lễ hội, nhà truyền thống, nghề dệt dèng, đan lát,... Đây mạnh công tác nghiên cứu sưu tầm, biên soạn thành sách và mở các lớp truyền dạy để bảo tồn văn hóa cho thế hệ sau. Vận động, tuyên truyền bà con giảm dần tục thách cưới, tảo hôn...

**10.** Giải pháp về giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

**11.** Giải pháp về đào tạo nghề, tạo việc làm mới, việc làm bền vững nhằm nâng cao thu nhập của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**12.** Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp thực hiện tốt hơn nữa chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm sang NHCSXH để đáp ứng nhu cầu vốn cho vay vùng đồng bào DTTS và miền núi.

**13.** Tuyên truyền, vận động, thành lập mới HTX; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đồng bào DTTS về phát triển kinh tế tập thể, HTX. Lồng ghép thực hiện các chương trình khuyến nông, khuyến công thông qua việc tổ chức các lớp dạy nghề cho thành viên các HTX và người lao động ở vùng dân tộc và miền núi, giúp cho đồng bào có thêm việc làm, tăng thu nhập, góp phần phát triển kinh tế tập thể, HTX ở các vùng dân tộc và miền núi theo đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước”

**14.** Đây mạnh việc triển khai Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nêu cao ý chí cách mạng, cần cù lao động, không trông chờ ỷ lại, quyết tâm vượt khó, không cam chịu đói nghèo, có ý thức làm giàu chính đáng và xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn, bản, làng.

**15.** Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác. Đây mạnh hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc

#### **IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

##### **1. Tổng mức vốn**

##### **2. Phân bổ vốn**

a) Nguồn vốn Trung ương phân bổ (bao gồm nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội)

b) Nguồn vốn địa phương (trích một phần ngân sách địa phương hàng năm bổ sung cho vay vốn đối với vùng DTTS và MN)

## **Phần thứ IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. TRÁCH NHIỆM CỦA TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

### **II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN**

1. Ban Dân tộc
2. Sở Kế hoạch và đầu tư
3. Sở Tài chính
4. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
5. Sở Giáo dục- Đào tạo
6. Sở Y tế
7. Sở Nông nghiệp và PT Nông thôn
8. Sở Khoa học và Công nghệ
9. Sở Tư pháp
10. Sở Công thương
11. Sở Thông tin và Truyền thông
12. Sở Văn hóa và Thể thao
13. Sở Du lịch
14. Ngân hàng CSXH
15. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn TNCSHCM
- 16.UBND các huyện có đồng bào DTTS sinh sống: A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phong Điền và Thị xã Hương Trà.

## **Phần V KẾT LUẬN**